TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH Q

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10/3/2022.
Về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tin.
2. Bà Trần Thị Kim Thanh.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hứa Tấn Chỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q tham gia phiên Tòa: Bà Hồ Thị Hà Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022, Vv: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị T , sinh năm 1990.

Bị đơn: Anh Trần L, sinh năm 1996.

Cùng trú tại: 741/10 Phan C, phường H, thành phố T, tỉnh Q

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

Tôi và anh Trần Q tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Q. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cải vả, anh L nhiều lần đánh đập tôi. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Võ Khả H sinh ngày 28-10-2019 và Võ G, sinh ngày 16-5-2021. Nếu ly hôn tôi yêu cầu nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung

vì từ khi cháu H được 01 tuổi đến nay tôi trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con, anh L không chu cấp lo cho con.

Về tài sản chung: chúng tôi đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

- *Bị đơn anh Trần L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:* về thời điểm vợ chồng chung sống và kết hôn tôi đồng ý như chị T đã khai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do không hợp tính nhau, quan điểm sống bất đồng. Nay tình cảm vợ chồng đã hết nên chị T xin ly hôn, tôi đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Trần Võ Khả H sinh ngày 28-10-2019 và Võ G, sinh ngày 16-5-2021. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu H, giao cháu G cho chị T nuôi dưỡng. Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chúng tôi đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Vợ chồng không có nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: xét đơn khởi kiện của bà T là có cơ sở nên đề nghị HĐXX xem xét quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông L, giao hai con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, về tài sản chung: các đương sự đã thỏa thuận nên không xem xét và nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Võ Thị T có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp con chung đối với anh Trần L. Thời điểm thụ lý vụ án anh L và chị T đang làm việc và sinh sống tại thành phố T, tỉnh Q tại địa chỉ tạm trú 741/10 Phan C, phường H, thành phố T, tỉnh Q. Vì vậy việc khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: giữa chị T và anh L trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thăng P, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân này là hợp pháp. Nay cuộc sống chung giữa chị T và anh

L không có hạnh phúc, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cải vả, hiện nay vợ chồng không sống chung, do không còn tình cảm với anh L nên chị T yêu cầu được giải quyết cho ly hôn với anh L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh L đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị T anh L là tự nguyện nên cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này là hợp lý và phù hợp với quy định tại 55 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: trong quá trình hôn nhân chị T và anh L sinh được 02 con chung là Trần Võ Khả H, sinh ngày 28-10-2019 và Võ G, sinh ngày 16-5-2021. Chị T yêu cầu nuôi hai con, anh L yêu cầu nuôi cháu H, giao cháu G cho chị T nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai cháu H và G còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, từ khi vợ chồng mâu thuẫn không sống chung chị T là người nuôi dưỡng hai con, hiện tại chị T có công việc và thu nhập ổn định, do vậy để đảm bảo cho việc phát triển bình thường của các cháu nên giao cháu H và G cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Phần cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị T và anh L đã tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: chị Võ Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"* của nguyên đơn chị Võ Thị T với bị đơn anh Trần L.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị T và anh Trần L.

- Về con chung: Giao chị Võ Thị T nuôi dưỡng Trần Võ Khả H, sinh ngày 28-10-2019 và Võ G, sinh ngày 16-5-2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Trần L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không xem xét.
- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình 300.000đồng chị Võ Thị T phải chịu được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Q theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009473 ngày 21 tháng 01 năm 2022.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận* :**
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- VKSND tp T;
- UBND xã T , h. H;
- Chi cục T.H.A tp T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Huỳnh Lý